

Bản án số: 230/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN L-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Bà Nguyễn Thị Cúc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xiêm – Thư ký Toà án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận L tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận L, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 508/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-DS ngày 10/6/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị A, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số nhà 144 phố S, phường Đ, quận L, Hà Nội.

- **Bị đơn:** Anh B, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 15/370/2 C, phường Đ, quận L, Hà Nội.

(Chị A xin xét xử vắng mặt, anh B có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, chị A trình bày: Tôi xây dựng gia đình với anh B trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, quận L, Thành phố Hà Nội ngày 10/02/2011. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Trong cuộc sống chung vợ chồng anh B không chung thủy có quan hệ với người phụ nữ khác tôi không chấp nhận thì vợ chồng cãi nhau, anh B còn đánh tôi có sự chứng kiến của cả bố mẹ anh B. Việc anh B đánh tôi không có thương tích gì và tôi cũng không trình báo gì. Khi tôi mang thai cũng như khi con tôi còn nhỏ anh B cũng đánh tôi. Vì con, tôi chấp nhận sống không có hạnh phúc nhưng anh B không hiểu khiến cho cuộc sống chung vợ chồng vô cùng ngột ngạt. Tuy sống chung một nhà ăn chung, ngủ chung nhưng không ai quan tâm đến ai. Hai bên nội ngoại cũng khuyên hai vợ chồng thông cảm và hiểu nhau để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chúng tôi không thể cố gắng được. Giữa hai vợ chồng tôi với bên hai bên nội

ngoại đều không có mâu thuẫn gì. Do thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc nên tôi đã thuê nhà ở riêng từ năm 2016 cho đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Bùi N, sinh ngày 15/12/2012. Hiện nay cháu vẫn ăn ở hai nơi, lúc thì ở với tôi, lúc thì ở với ông bà. Trước đây khi tôi còn ở chung thì một tay tôi chăm sóc nuôi dưỡng cháu, ông bà nội có hỗ trợ khi tôi đi làm thì cơm nước đưa đón cháu khi tôi bận việc. Mọi chi tiêu sinh hoạt đóng học của cháu thì cả tôi và bố cháu đều có trách nhiệm. Nhưng việc đóng học hay ăn uống là chúng tôi đưa tiền cho ông bà nội cháu mua và đóng tiền học cho cháu. Cũng có khi tôi chuyển khoản cho cô giáo còn khi có viết biên lai nộp tiền thì ông bà mang về. Tiền học trên lớp và ăn uống sinh hoạt lo cho con thì hai vợ chồng cùng có trách nhiệm còn tiền học thêm của cháu là của một mình tôi đóng học lo cho con. Từ sau khi tôi chuyển ra ở riêng thì vẫn như vậy, tôi và anh B vẫn chu cấp lo cho cháu. Phần ăn uống thì tôi không đưa tiền nữa mà tôi gọi ship đồ ăn thức uống về cho cả nhà còn tiền đóng học thì tôi chuyển khoản cho cô giáo của con không đưa cho ông bà nữa. Khi cháu còn nhỏ thì cả nhà đều cùng chăm sóc dạy bảo cháu, cả hai vợ chồng và ông bà nội đều có trách nhiệm. Từ khi cháu học cấp hai thì ông bà nội không phải đưa đón nữa vì trường ngay sát cạnh nhà. Cháu cũng đã lớn lên cũng tự chăm sóc được bản thân nên tôi và bố cháu cũng như ông bà không mất quá nhiều thời gian với cháu. Khi ly hôn tôi xin được nuôi con chung vì tôi nghĩ đến tương lai của con. Nếu như hiện tại thì việc ai nuôi con tôi không quan trọng vì ông bà nội và bố cháu cũng là người thương yêu cháu, cháu cũng yêu quý bố và ông bà nội nhưng về lâu về dài thì ông bà cũng ngày một già, con tôi thì ngày một lớn tâm sinh lý sẽ khác đi mà tôi thấy tôi mới là người có thể chia sẻ được với cháu. Mặt khác tôi có dự định cho cháu đi du học để cháu có tương lai tốt hơn mà nếu bố cháu nuôi cháu thì sẽ gây khó khăn cho tôi cho tôi làm thủ tục cho cháu đi du học. Nếu tôi được nuôi con thì tôi không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu anh B được nuôi con thì tôi sẽ không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung vì anh B muốn nuôi con thì phải có trách nhiệm với con.

Hiện nay tôi đang là Giám đốc của ban truyền hình VFC. Thu nhập bình quân của tôi là 100.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

Bị đơn anh B trình bày: Năm 2011, tôi xây dựng gia đình với chị A ngày 10/02/2011 tại UBND phường Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống cùng bố mẹ đẻ của tôi tại số 15/370/2 C, phường Đ, L, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị A có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác.

Sau khi tôi phát hiện ra thì vợ chồng sống ly thân, chị A chuyển ra ngoài sống, mang theo tài sản vợ chồng đi. Đến năm 2019, tôi cũng tha thứ cho chị A nên vợ chồng quay về ở với nhau nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tôi phát hiện ra chị A tham gia một hội nhóm không lành mạnh và chị A có quan hệ với người đàn ông khác. Tôi có khuyên vợ thì chị A lại chuyển đi chỗ khác cho đến bây giờ.

Trong cuộc sống gia đình, chị A cũng là người không quan tâm đến việc đối nội đối ngoại, chưa thực hiện đúng chức trách của người con dâu trong gia đình.

Từ năm 2021, chúng tôi đã cắt đứt quan hệ, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng đối với chị A. Trước yêu cầu xin ly hôn của chị A thì tôi cũng đồng ý vì một người níu kéo không giải quyết được vấn đề.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Bùi N, sinh ngày 15/12/2012. Hiện nay cháu đang ở cùng với tôi.

Trường hợp nếu phải ly hôn, tôi đề nghị được nuôi con. Nếu tôi được nuôi con, tôi không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu tòa án giao con cho chị A nuôi thì tôi không yêu cầu tòa giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Tôi không đồng ý cho chị A nuôi con vì từ bé đến giờ cháu N đều ở với ông bà nội và tôi. Ông bà nội là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón con tôi đi học. Tôi hỗ trợ tiền cho cháu ăn học và cùng ông bà chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Hàng ngày, ông bà nội phải dậy sớm để nấu nướng cho con tôi ăn sáng và đưa cháu đi học hết giờ ông bà lại đến đón cháu về cứ như vậy cho đến hết cấp 1. Lên cấp 2 cháu tự đi, tự về do nhà gần trường. Việc học hành của cháu do bà nội chỉ dạy. Đến cấp 2 do chương trình học khó hơn bà nội không dạy được nữa thì cháu tự học hoặc đi học thêm. Thỉnh thoảng tôi cũng có dạy cháu. Mọi sinh hoạt hằng ngày của cháu vẫn đều do bố mẹ tôi trực tiếp chăm sóc cháu. Kể cả khi chị A sống cùng thì cũng vẫn là ông bà nội chăm sóc cháu. Việc học hành, đóng các khoản học phí của cháu ở trường do tôi trực tiếp đóng, chị A thỉnh thoảng có đóng tiền học thêm cho con trong 2-3 tháng gần đây.

Hiện nay, cháu N đang học lớp 6A4 trường THCS L, L, Hà Nội. Hiện nay, tôi đang có một công ty riêng, mức thu nhập cứng 15 triệu đồng/ tháng ngoài ra, mỗi tháng tôi có thêm lợi nhuận. Bình quân mỗi tháng tôi thu nhập khoảng 30 triệu đồng. Công việc hàng ngày của tôi làm giờ hành chính từ 8h sáng đến 17h chiều, thỉnh thoảng có phát sinh công việc thì đến 18h. Do tính chất đặc thù công việc tôi cũng không phải đi công tác xa.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị A có đơn xin xử vắng mặt nên không có ý kiến.

Anh B: Đồng ý ly hôn. Đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Nếu Tòa án giao con cho chị A nuôi thì tự nguyện cấp dưỡng 10.000.000/ tháng. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện tốt các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước khi có quyết định xét xử. Bị đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa: Đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81,82

và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đề nghị Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A. Chấp nhận thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B. Về con chung: Đề nghị giao con chung cho anh B được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị A. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Chị A có đơn xin ly hôn anh B gửi tại Tòa án nhân dân quận L. Hiện anh B đang sinh sống tại phường Đ, quận L, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận L. Chị A có đơn xin xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị A theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị A xây dựng gia đình với anh B trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, quận L, Thành phố Hà Nội ngày 10/02/2011. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau. Vợ chồng sống ly thân theo chị A trình bày là từ đầu năm 2016 không quan tâm chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh B cũng đồng ý thuận tình ly hôn theo định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Bùi N sinh ngày 15/12/2012. Hiện nay cháu đang ở với bố và ông bà nội. Khi ly hôn cả hai đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Nguyện vọng của con xin ở với mẹ. Nếu được nuôi con thì không bên nào yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Giao con cho ai nuôi cũng phải đảm bảo đến quyền lợi của cháu N. Hiện cháu N đang ở với bố có sự hỗ trợ của ông bà, bản thân chị A cũng thừa nhận: “ Nếu như hiện tại thì việc ai nuôi con tôi không quan trọng vì ông bà nội và bố cháu cũng là người thương yêu cháu, cháu cũng yêu quý bố và ông bà nội nhưng về lâu về dài thì ông bà cũng ngày một già, con tôi thì ngày một lớn tâm sinh lý sẽ khác đi mà tôi thấy tôi mới là người có thể chia sẻ được với cháu. Mặt khác tôi có dự định cho cháu đi du học để cháu có tương lai tốt hơn mà nếu bố cháu nuôi cháu thì sẽ gây khó khăn cho tôi cho tôi làm thủ tục cho cháu đi du học...” Tại biên bản trao đổi với cô giáo chủ nhiệm của cháu N thể hiện: “Cháu bảo N có sức học tốt, ngoan và chăm học...” Như vậy cho thấy hiện cháu N đang ở rất tốt với bố và ông bà nội. HĐXX thấy giao cháu N cho anh B nuôi dưỡng để tránh sáo trộn cuộc sống của cháu N là đảm bảo quyền lợi của cháu. Anh B không yêu cầu chị A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị A cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu mới.

Về tài sản chung: Chị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 của điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19; 55; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A sinh năm 1989.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị A sinh năm 1989 được ly hôn với anh B sinh năm 1983

Về con chung: Xác định chị A và anh B có 01 con chung là cháu Bùi N sinh ngày 15/12/2012. Giao con chung cho anh B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị A cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới. Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị A đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự quận L ngày 19 tháng 10 năm 2023 theo LB số: AA/2020/0066380, nay được chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị A có mặt anh B. Anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi gửi:

- Các đương sự
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND quận L;
- THADS quận L;
- UBND phường Đ, quận L, Thành phố Hà Nội;
- Lưu TA

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Nga

